

TIẾT 2: ÔN TẬP BÀI HÁT MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU

TẬP ĐỌC NHẠC: TĐN SỐ 1

I. MỤC TIÊU:

- HS hoàn thiện bài hát “Mái trường mến yêu”.
- HS đọc đúng TĐN số 1.
- HS rèn kỹ năng gõ đệm theo bài hát và bài TĐN.

II. YÊU CẦU – HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC:

- HS ôn bài kết hợp các kỹ năng gõ đệm theo phách, nhịp .
- HS luyện cao độ và tiết tấu của bài TĐN số 1.
- HS biết kết hợp các kỹ năng nâng cao:

- + Ghép lời ca
- + Gõ đệm
- + Đánh nhịp 2

4

III. NỘI DUNG:

1. Ôn tập bài hát “ Mái trường mến yêu” :

<https://www.youtube.com/watch?v=TRP2sWVmP7g&t=3s>

2. Tập đọc nhạc TĐN số 1:

Ca ngợi Tổ quốc
(Trích)

Nhạc và lời : HOÀNG VÂN

Nhanh - Vui

Tương lai đang đón chờ tay em và noi theo bước đàn anh.

Tương lai đang đón chờ tay em đi xây dựng nước nhà.

<https://www.youtube.com/watch?v=s-OJtCg9XEY>

<https://youtu.be/1PicKsncFd8>

3. Củng cố:

- HS biết thực hiện hoàn thiện bài hát kết hợp các kỹ năng gõ đệm theo phách, nhịp.
- HS biết thực hiện đúng cao độ và tiết tấu TĐN số 1.
- HS biết thực hiện TĐN số 1 kết hợp các kỹ năng gõ đệm theo phách, nhịp, đánh nhịp 2

4.

4. Dặn dò:

- HS chuẩn bị xem trước bài ANTT của tiết 3.

Họ tên HS: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 _ MÔN: CÔNG NGHỆ 7

(HS xem SGK, trả lời các chỗ trống và dán phiếu số 1_CN7 vào tập để học bài nhé!)

BÀI 3: MỘT SỐ TÍNH CHẤT CHÍNH CỦA ĐẤT TRỒNG

Mục tiêu của bài : Biết được thành phần cơ giới của đất trồng. Các trị số PH của đất chua, đất kiềm và đất trung tính. Trình bày được khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của đất trồng. Trình bày được khái niệm độ phì nhiêu của đất, nêu được vai trò độ phì nhiêu của đất đối với năng suất cây trồng.

I. Thành phần cơ giới của đất là gì?

- Phần rắn được hình thành từ thành phần và thành phần
- Phần vô cơ gồm các hạt
- Thành phần cơ giới của đất là tỉ lệ của các hạt.....
.....
- Tùy tỉ lệ từng loại hạt trong đất mà chia đất thành 3 loại:.....
.....

II. Độ chua, độ kiềm của đất

- Độ chua, kiềm của đất được đo bằng.....
- Đất thường có trị số pH từđến.....
- Đất chua có trị số pH từđến.....
- Đất trung tính có trị số pH từđến.....
- Đất kiềm có trị số pH từđến.....

III. Khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của đất

- Đất giữ đc nước và các chất dinh dưỡng là nhờ các.....
- Hạt càng khả năng giữ nước và dinh dưỡng càng tốt

IV. Độ phì nhiêu của đất là gì?

- Độ phì nhiêu của đất là khả năng của đất cung cấp đủ,, cần thiết cho cây trồng đồng thời không chứa các chất có hại cho cây.
- Điều kiện để có năng suất cao:
 -
 -
 -

Họ tên HS: Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 - MÔN CÔNG NGHỆ 7

BÀI 3. MỘT SỐ TÍNH CHẤT CHÍNH CỦA ĐẤT TRỒNG

(HS làm trực tiếp trên phiếu học tập số 2 và nộp phiếu số 2 công nghệ 7 về cho GVBM vào tuần sau)

BÀI TẬP: HS chọn khoanh tròn vào câu đã lựa chọn

Câu 1: Đất chua có trị số pH là:

- A. < 6,5
- B. > 6,5
- C. 6,6 – 7,5
- D. > 7,7

Câu 2: Muốn cây trồng cho năng suất cao phải có đủ các điều kiện:

- A. Đất phì nhiêu, giống tốt, chăm sóc tốt và thời tiết thuận lợi.
- B. Đất phì nhiêu, chăm sóc tốt, điều kiện thuận lợi và kỹ thuật tốt.
- C. Đất phì nhiêu, giống tốt, bón nhiều phân và chăm sóc tốt.
- D. Đất phì nhiêu, bón phân đúng kỹ thuật, thời tiết thuận lợi.

Câu 3: Đất có trị số pH bằng 6,8 là đất:

- A. Đất chua
- B. Đất thịt
- C. Đất trung tính
- D. Đất kiềm

Câu 4: Căn cứ vào độ pH, người ta chia đất thành các loại:

- A. Đất chua, đất sét, đất kiềm
- B. Đất chua, đất cát, đất kiềm
- C. Đất chua, đất sét, đất trung tính
- D. Đất chua, đất trung tính, đất kiềm

Câu 5: Đất trung tính có trị số pH là:

- A. < 6,5
- B. > 6,5
- C. 6,6 – 7,5
- D. > 7,7

Câu 6: Đất có trị số pH bằng 6,4 là đất:

- A. Đất chua
- B. Đất thịt
- C. Đất trung tính
- D. Đất kiềm

Câu 7: Khả năng giữ nước của đất tốt nhất là:

- A. Đất sét
- B. Đất thịt
- C. Đất cát

Câu 8: Đất có trị số pH > 7,5 là đất:

- A. Đất chua
- B. Đất thịt
- C. Đất trung tính
- D. Đất kiềm

Bài 3. MỘT SỐ TÍNH CHẤT CHÍNH CỦA ĐẤT TRỒNG

1. Biết được thành phần cơ giới của đất là gì.
2. Hiểu được thế nào là đất chua, đất kiềm và đất trung tính.
3. Biết được khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của đất.
4. Hiểu được thế nào là độ phì nhiêu của đất.

I. THÀNH PHẦN CƠ GIỚI CỦA ĐẤT LÀ GÌ ?

Phần rắn của đất được hình thành từ thành phần vô cơ và thành phần hữu cơ. Phần vô cơ bao gồm các cấp hạt có đường kính khác nhau : hạt cát (từ 0,05 đến 2mm), limon (bột, bụi) (từ 0,002 đến 0,05mm) và sét (nhỏ hơn 0,002mm). Tỷ lệ (%) của các hạt cát, limon và sét trong đất tạo nên thành phần cơ giới của đất. Căn cứ vào tỷ lệ các loại hạt trong đất người ta chia đất làm 3 loại chính : đất cát, đất thịt và đất sét. Giữa các loại đất này còn có các loại đất trung gian. Ví dụ : Đất cát pha, đất thịt nhẹ...

II. ĐỘ CHUA, ĐỘ KIỀM CỦA ĐẤT

Độ chua, độ kiềm của đất được đo bằng độ pH. Trị số pH dao động từ 0 đến 14. Đất thường có trị số pH từ 3 đến 9. Căn cứ vào trị số pH người ta chia đất thành : đất chua ($\text{pH} < 6,5$), đất trung tính ($\text{pH} = 6,6 - 7,5$) và đất kiềm ($\text{pH} > 7,5$). Người ta xác định đất chua, đất kiềm và đất trung tính để có kế hoạch sử dụng và cải tạo.

III. KHẢ NĂNG GIỮ NƯỚC VÀ CHẤT DINH DƯỠNG CỦA ĐẤT

Nhờ các hạt cát, limon, sét và chất mùn mà đất giữ được nước và các chất dinh dưỡng. Đất chứa nhiều hạt có kích thước bé, đất càng chứa nhiều mùn, khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng càng tốt.

Em hãy điền vào vở bài tập dấu x vào cột tương ứng về khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của từng loại đất theo mẫu bảng sau :

Đất	Khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng		
	Tốt	Trung bình	Kém
Đất cát			
Đất thịt			
Đất sét			

IV. ĐỘ PHÌ NHIỀU CỦA ĐẤT LÀ GÌ ?

Độ phì nhiêu của đất là khả năng của đất cung cấp đủ nước, oxi và chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng bảo đảm năng suất cao, đồng thời không chứa các chất có hại cho cây.

Độ phì nhiêu của đất là một trong những yếu tố quyết định năng suất cây trồng. Muốn cây trồng có năng suất cao, ngoài độ phì nhiêu của đất cần phải có thêm các điều kiện : giống tốt, chăm sóc tốt và thời tiết thuận lợi.

Ghi nhớ

- Tỷ lệ (%) các hạt : cát, limon, sét quyết định thành phần cơ giới của đất.
- Căn cứ vào độ pH, người ta chia đất thành : đất chua, đất kiềm và đất trung tính.
- Đất giữ được nước và chất dinh dưỡng là nhờ các hạt cát, limon, sét và chất mùn.
- Độ phì nhiêu của đất là khả năng của đất có thể cho cây trồng có năng suất cao. Tuy nhiên muốn có năng suất cao phải có đủ các điều kiện : đất phì nhiêu, thời tiết thuận lợi, giống tốt và chăm sóc tốt.

Câu hỏi

1. Thế nào là đất chua, đất kiềm và đất trung tính ?
2. Vì sao đất giữ được nước và chất dinh dưỡng ?
3. Độ phì nhiêu của đất là gì?

Bài 4. Thực hành

XÁC ĐỊNH THÀNH PHẦN CƠ GIỚI CỦA ĐẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐƠN GIẢN (vê tay)

Biết cách và xác định được thành phần cơ giới của đất bằng phương pháp đơn giản (vê tay).

I. VẬT LIỆU VÀ DỤNG CỤ CẦN THIẾT

- Lấy 3 mẫu đất khác nhau, mỗi mẫu một lượng bằng quả trứng gà. Mẫu đất phải khô (hoặc hơi ẩm), sạch cỏ, rác, gạch, đá... Mẫu đất được đựng trong túi ni lông hoặc dùng giấy sạch gói lại, bên ngoài có ghi : Mẫu đất số ... ; Ngày lấy mẫu... Nơi lấy mẫu... ; Người lấy mẫu ...
- 1 lọ nhỏ đựng nước và 1 ống hút lấy nước.
- Thước đo.

II. QUY TRÌNH



Bước 1. Lấy lòng



Bước 3. Dùng

Quan sát

Không v

Chỉ về c

Vê được

Vê được

khi uốn

Vê được

khi uốn

Vê được

không c

Trường: THCS Hà Huy Tập

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Sử - Địa - GD&CD

Tuần: 2. Địa lí 7

.....

Bài 3. QUẦN CƯ, ĐÔ THỊ HÓA

Nội dung bài học
1. Quần cư nông thôn và quần cư đô thị - Quần cư nông thôn: Có mật độ dân số thấp, làng mạc thôn xóm thường phân tán gắn liền với đất canh tác, đồng cỏ, đất rừng hay mặt nước; dân cư sống chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. - Quần cư thành thị: Có mật độ dân số cao, dân cư sống chủ yếu vào sản xuất công nghiệp và dịch vụ. - Lối sống nông thôn và đô thị có nhiều điểm khác biệt. 2. Đô thị hóa. Các siêu đô thị - Đô thị hóa là xu thế tất yếu của thế giới. - Số dân đô thị trên thế giới ngày càng tăng, hiện có khoảng một nửa dân số thế giới sống trong các đô thị. - Nhiều đô thị phát triển nhanh chóng, trở thành các siêu đô thị như Bắc Kinh, Tokyo, Niu Đêli, Luân Đôn, Pari, Niu I-ooc...

Câu hỏi củng cố:

Nêu sự khác nhau cơ bản giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị?

Trường: THCS Hà Huy Tập

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Sử - Địa - GDCD

Tuần: 2. Tiết 2 Địa lí 7

.....

Bài 4: THỰC HÀNH: PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ DÂN SỐ VÀ THÁP TUỔI

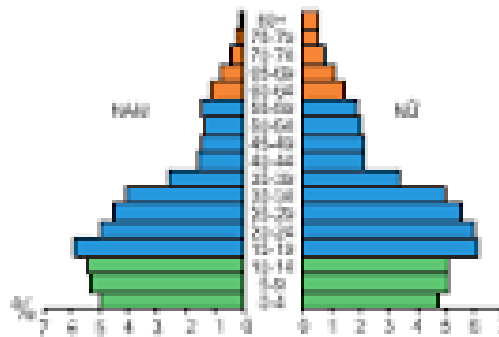
1. (Khuyến khích học sinh tự làm)
2. Quan sát 2 tháp tuổi của TP HCM qua các cuộc tổng điều tra dân số năm 1989 và 1999, cho biết:

Hướng dẫn nhận biết các bộ phận tháp tuổi:

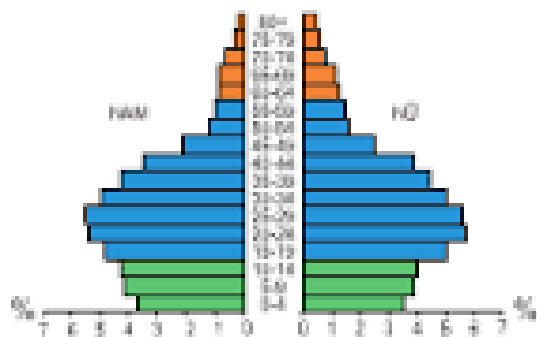
Từ 0 đến 14 tuổi (Đáy tháp): Dưới độ tuổi lao động

Từ 15 đến 59 tuổi (Thân tháp): Trong độ tuổi lao động

60 tuổi trở lên (Đỉnh tháp): Trên độ tuổi lao động



Hình 4.2 - Tháp tuổi TP. Hồ Chí Minh
(01 - 4 - 1989)



Hình 4.3 - Tháp tuổi TP. Hồ Chí Minh
(01 - 4 - 1999)

PHIẾU HỌC TẬP

Hình dáng tháp tuổi thay đổi như thế nào từ 1989 – 1999	Nhóm tuổi tăng tỉ lệ	Nhóm tuổi giảm tỉ lệ

3. Tìm trên lược đồ phân bố dân cư châu Á những khu vực nào tập trung đông dân? Các đô thị lớn ở châu Á thường phân bố ở đâu?

- Khu vực tập trung đông dân:.....
- Các đô thị lớn thường phân bố ở đâu:.....

.....



Bản đồ phân bố dân cư châu Á

TIẾT 2.

BÀI 2 TRUNG THỰC.

I. Nội dung trọng tâm.

1. Truyện đọc.

“sự công minh chính trực của một nhân tài vĩ đại”

Mi-ken- Lãng- Gio là người thẳng thắn, luôn tôn trọng và nói lên sự thật, không để tình cảm cá nhân chi phối làm mất tính khách quan khi đánh giá sự việc.

2. Nội dung bài học

a. Trung thực

- Luôn tôn trọng sự thật, chân lí, lẽ phải.

*/ Biểu hiện :

- Ngay thẳng, thật thà, dũng cảm nhận lỗi khi mình mắc khuyết điểm.

b. Ý nghĩa :

- Sống trung thực giúp ta nâng cao phẩm giá.

- Làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội được mọi người tin yêu, kính trọng.

3. Bài tập và vận dụng.

1. Nêu biểu hiện hành vi thiếu trung thực ?

2. Người trung thực thể hiện hành động tế nhị, khôn khéo ntn ?

3. Kể câu chuyện về tấm gương trung thực xung quanh em hoặc qua báo chí ?

Tiết 6: LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

A. PHẦN 1: HS trả lời câu hỏi trong SGK /17,18 và trả lời miệng các câu hỏi sau :

- 1) Theo em, khi đọc đoạn văn, En-ri-cô đã có thể hiểu rõ bố muốn nói gì chưa?
- 2) Nếu En-ri-cô chưa hiểu ý bố, hãy cho biết lí do nào trong các lí do sau:
 - Vì câu văn viết chưa đúng ngữ pháp.
 - Vì câu văn có nội dung chưa thật rõ ràng.
 - Vì giữa các câu còn chưa có sự gắn liền, liên kết với nhau.
- 3) Vậy muốn cho đoạn văn có thể hiểu được thì nó phải có tính chất gì?
- 4) Liên kết trong văn bản có tác dụng gì?
- 5) Đoạn văn thiếu ý gì mà trở nên khó hiểu? Hãy sửa lại đoạn văn để En-ri-cô hiểu được ý bố?
- 6) Đọc các câu văn sau “Một ngày kia...đang mút kẹo” và chỉ ra sự thiếu liên kết giữa chúng? Hãy sửa lại để thành một đoạn văn có nghĩa?
- 7) Từ hai ví dụ trên, em hãy cho biết một văn bản có tính liên kết trước hết phải có điều kiện gì? Các câu văn trong văn bản phải sử dụng phương tiện gì?
- 8) Vậy yêu cầu của văn bản cần phải có sự liên kết ở những phương diện nào?

PHẦN 2: Nội dung ghi bài (HS ghi bài hoặc in ra đóng thành tập.)

Tiết 6: LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

I/ LIÊN KẾT VÀ PHƯƠNG TIỆN LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN.

1) Tính liên kết trong văn bản:

VD: SGK/17

→ Đoạn văn khó hiểu, chưa có sự liên kết.

⇒ Cần làm cho nội dung các câu, các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ.

* Ghi nhớ: SGK/18

2) Phương tiện liên kết trong văn bản

a/ VD: SGK/18

→ Chưa liên kết về nội dung.

b/ VD: SGK/18

→ Chưa liên kết về hình thức.

⇒ Liên kết các câu, các đoạn bằng những phương tiện ngôn ngữ.

***Ghi nhớ :** SGK/18

II/ LUYỆN TẬP: (Khuyến khích học sinh làm bài sẽ được cộng điểm)

*** Bài tập trắc nghiệm**

Bài 1: Vì sao các câu thơ sau không tạo thành một đoạn thơ hoàn chỉnh?

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.
Sè sè nấm đất bên đường
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh

- A. Vì chúng không vần với nhau
- B. Vì chúng có vần nhưng gieo vần không đúng luật
- C. Vì chúng có vần nhưng ý của các câu không liên kết với nhau
- D. Vì các câu thơ chưa đủ một ý trọn vẹn

Bài 2: Hãy sắp xếp các câu sau theo một trình tự hợp lý để có một đoạn văn hoàn chỉnh :

Ông đang nằm nghỉ trên giường. (1) Hẩn nhẹ nhàng mở ngăn kéo tủ lục tìm tiền. (2) Một lần nhà văn Ban- giắc đi ngủ quên không đóng cửa. (3) Bỗng hẩn nghe tiếng chủ: “anh bạn ơi, anh đừng hoài công tìm tiền ở cái chỗ mà ngay giữa ban ngày đốt đuốc tôi cũng chẳng vét nổi một xu”. (4)

Bài 3: Dòng nào nói đúng nhất về liên kết trong văn bản ?

- A. Người ta liên kết các câu bằng mối liên quan của nội dung mà chúng thể hiện, và cũng có thể các phương tiện liên kết của ngôn ngữ để liên kết.
- B. Chỉ có các phương tiện liên kết của ngôn ngữ mới có thể làm nhiệm vụ liên kết
- C. Không bao giờ cần các phương tiện ngôn ngữ khi liên kết các câu trong văn bản
- D. Các dấu câu là phương tiện liên kết chủ yếu.

*** Bài tập vận dụng**

BT 2,3/18.

*** Bài tập mở rộng**

Viết một đoạn văn ngắn 5-7 câu về chủ đề Tình cảm gia đình trong đó có sử dụng phép liên kết và chỉ ra các phương tiện liên kết.

DẶN DÒ

- Học sinh ghi bài, làm bài đầy đủ.
- Nắm vững kiến thức nội dung bài học.
- Chuẩn bị bài “Bố cục trong văn bản”.

Tiết 7: BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN

B. PHẦN 1: Hs đọc bài “Bố cục trong văn bản” SGK/28,29,30 và trả lời miệng các câu hỏi sau:

- Cho HS tìm hiểu Bố cục của văn bản.

1) Em muốn viết một lá đơn để xin gia nhập Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Hãy cho biết : Những nội dung trong đơn ấy có cần được sắp xếp theo một trật tự không? Có thể tùy thích muốn ghi nội dung nào trước cũng được hay không? (Ví dụ, có nên viết lí do khiến em muốn xin vào Đội trước, rồi mới khai rõ họ tên em là gì? Sống và học ở đâu không? Hoặc có nên đưa ra lời hứa sẽ tiếp tục phấn đấu sau khi được kết nạp vào Đội trước, rồi mới nêu lí do xin vào Đội hay không? Vì sao?)

2) Sự sắp đặt nội dung các phần trong văn bản theo một trình tự hợp lí được gọi là bố cục. Em hãy cho biết : Vì sao khi xây dựng văn bản, cần phải quan tâm tới bố cục?

- Cho HS tìm hiểu Những yêu cầu về bố cục trong văn bản qua việc đọc hai câu chuyện (1), (2) (SGK/29)

3) Hai câu chuyện trên đã có bố cục chưa?

4) Cách kể chuyện như trên bất hợp lí ở chỗ nào?

5) Theo em, nên sắp xếp bố cục hai câu chuyện trên như thế nào?

- Cho HS tìm hiểu Các phần của bố cục trong văn bản.

6) Hãy nêu nhiệm vụ của ba phần Mở bài, Thân bài, Kết bài trong văn bản miêu tả và văn bản tự sự.

7) Có cần phân biệt rõ ràng nhiệm vụ của mỗi phần không? Vì sao?

8) Có bạn nói rằng phần Mở bài chỉ là sự tóm tắt, rút gọn của phần Thân bài, còn phần Kết bài chẳng qua chỉ là sự lặp lại một lần nữa của Mở bài. Nói như vậy có đúng không? Vì sao?

9) Một bạn khác lại cho rằng nội dung chính của việc miêu tả, tự sự (của đơn từ nữa) được dồn cả vào phần Thân bài nên Mở bài và Kết bài là những phần không cần thiết lắm. Em có đồng ý với ý kiến đó không?

B. PHẦN 2: Nội dung ghi bài (HS ghi bài hoặc in ra đóng thành tập)

Tiết 7: BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN

I. BỐ CỤC VÀ NHỮNG YÊU CẦU VỀ BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN.

1. Bố cục của văn bản:

- Nội dung trong một lá đơn cần được sắp xếp theo một trình tự hợp lý.
- Văn bản phải có bố cục rõ ràng.
- Bố cục là sự bố trí, sắp xếp các phần, các đoạn theo một trình tự rành mạch và hợp lý.

2. Những yêu cầu về bố cục trong văn bản:

Ví dụ: SGK/29.

→ Hai câu chuyện trên chưa có bố cục rõ ràng, các ý sắp xếp lộn xộn.

⇒ Yêu cầu về bố cục:

- Nội dung các phần, các đoạn trong văn bản thống nhất chặt chẽ, phân biệt rành mạch.
- Trình tự sắp xếp hợp lí.

3. Các phần của bố cục: 3 phần

- Mở bài: Giới thiệu vấn đề.
- Thân bài: Trình bày, giải quyết vấn đề.
- Kết bài: Tổng kết vấn đề.

*** Ghi nhớ:** SGK/30.

II. LUYỆN TẬP: (Khuyến khích học sinh làm bài sẽ được cộng điểm)

*** BT trắc nghiệm**

Câu 1. Bố cục trong văn bản là gì?

- A. Văn bản không thể viết một cách tùy tiện, phải có bố cục rõ ràng
- B. Bố cục là sự bố trí, sắp xếp các phần, các đoạn theo một trình tự, một hệ thống rành mạch và hợp lý
- C. Bố cục là sự bố trí, sắp xếp nội dung của văn bản theo một trình tự, hệ thống rành mạch, hợp lý
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 2. Điều kiện nào để bố cục rành mạch, hợp lý?

- A. Nội dung các phần, các đoạn trong văn bản phải thống nhất chặt chẽ với nhau, bên cạnh đó, cũng có sự phân biệt rạch ròi
- B. Trình tự xếp đặt các phần, các đoạn phải giúp người viết dễ dàng đạt được mục đích giao tiếp đặt ra

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 3. Bố cục của văn bản được xây dựng gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 4. Bố cục văn bản cuộc chia tay của những con búp bê là?

A. Hai anh em chia đồ chơi → Thủy chia tay lớp học → Cảnh hai anh em chia tay

B. Thủy chia tay lớp học → Cảnh hai anh em chia tay → Hai anh em chia đồ chơi

C. Hai anh em chia tay → Hai anh em chia tay lớp học của Thủy → Cảnh chia đồ chơi của hai anh em

D. Không có đáp án nào đúng

*** BT vận dụng**

Bài 1: Sgk/30.

Ví dụ câu chuyện “Ếch ngồi đáy giếng” và “Lợn cưới áo mới” là ví dụ về việc sắp xếp ý không hợp lí, hiệu quả của văn bản bị giảm sút.

Bài 2: Sgk/30.

Bố cục của truyện "*Cuộc chia tay của những con búp bê*" :

- Mở bài: Từ đầu... hiếu thảo như vậy. Cảnh hai anh em chia đồ chơi.
- Thân bài: Tiếp... đến trùm lên cảnh vật. Thủy chia tay lớp học.
- Kết bài: Còn lại. Hai anh em chia tay nhau.

=> Bố cục khá rành mạch và hợp lí. Một cách khác, văn bản có thể kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại.

*** BT mở rộng**

Bài 3: Sgk/30,31.

Phần bố cục trên chưa hợp lí. Có thể bổ sung như sau:

- Mở bài: Thêm phần giới thiệu họ tên, đề tài báo cáo sau lời chào.
- Thân bài: Không nên cho mục (4).
- Kết bài: Khái quát lại những kinh nghiệm học tập đã trình bày.

DẶN DÒ

- Học sinh ghi bài, làm bài đầy đủ.
- Nắm vững kiến thức nội dung bài học.
- Chuẩn bị bài: Mạch lạc trong văn bản.

Tiết 8: MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN

A. PHẦN 1: HS đọc bài “ Mạch lạc trong văn bản” SGK/31 → 34 và trả lời miệng các câu hỏi sau.

- Cho HS đọc khái niệm mạch lạc trong SGK 31.

1. Hãy xác định mạch lạc trong VB có những tính chất gì trong số các tính chất sau :

- + Trôi chảy thành dòng, thành mạch .
- + Tuần tự đi qua khắp các phần, các đoạn trong VB.
- + Thông suốt, liên tục, không đứt đoạn.

2. Mạch lạc là sự tiếp nối của các câu, các ý theo một trình tự hợp lí. Em có tán thành ý kiến đó không? Vì sao ?

3. Vậy thế nào là mạch lạc trong văn bản ?

4. VB “Cuộc chia tay của những con búp bê” kể nhiều về các sự việc khác nhau như: Mẹ bắt hai con phải chia đồ chơi; hai anh em Thành, Thủy rất thương yêu nhau; chuyện về hai con búp bê; Thành đưa em đến lớp chào cô giáo và các bạn; hai anh em phải chia tay; Thủy để cả hai con búp bê lại cho Thành ... *Hãy cho biết toàn bộ sự việc trong VB xoay quanh*

*sự việc chính nào? “Sự chia tay” và “những con búp bê” đóng vai trò gì trong truyện?
Hai anh em Thành, Thủy có vai trò gì trong truyện?*

5. Trong VB “Cuộc chia tay của những con búp bê” có đoạn kể việc hiện tại, có đoạn kể việc quá khứ, có đoạn kể việc ở nhà, có đoạn kể việc ở trường, đoạn kể chuyện hôm qua, có đoạn kể chuyện sáng nay, ... *Hãy cho biết các đoạn ấy được nối với nhau theo mối liên hệ nào dưới đây:*

- + Liên hệ thời gian
- + Liên hệ không gian
- + Liên hệ tâm lý (nhớ lại)
- + Liên hệ ý nghĩa (tương đồng, tương phản)

5. *Những mối liên hệ giữa các đoạn ấy có tự nhiên và hợp lý không ?*

6. *Vậy các điều kiện để 1 văn bản có tính mạch lạc là gì?*

B. PHẦN 2: Nội dung ghi bài (HS ghi bài hoặc in ra đóng thành tập)

Tiết 8: MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN

I. MẠCH LẠC VÀ NHỮNG YÊU CẦU VỀ MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN.

1. Mạch lạc trong văn bản

- Văn bản cần phải mạch lạc.
- Mạch lạc có tính chất thông suốt, liên tục, không đứt đoạn.

2. Các điều kiện để một văn bản có tính mạch lạc:

VD: SGK/31,32

→ Sự việc chính: chia tay – chủ đề xuyên suốt của tác phẩm.

⇒ Có một đề tài, một chủ đề chung xuyên suốt và được nối tiếp theo một trình tự rõ ràng, hợp lý .

*** Ghi nhớ:** SGK/32

II. LUYỆN TẬP (Khuyến khích học sinh làm bài sẽ được cộng điểm)

*** BT trắc nghiệm**

Câu 1. Mạch lạc trong văn bản là gì?

A. Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản đều nói về một đề tài, biểu hiện chủ đề chung xuyên suốt

- B. Mạch lạc là sự rõ ràng về mặt nội dung trong cách triển khai văn bản
- C. Các phần đoạn, câu trong văn bản được tiếp nối theo một trình tự rõ ràng, hợp lý, trước sau hô ứng nhằm làm rõ chủ đề liên mạch và gợi được nhiều hứng thú cho người đọc
- D. Cả A và C

Câu 2. Điều kiện để một văn bản có tính mạch lạc?

- A. Các sự kiện, sự việc phải xoay quanh những sự kiện trọng tâm
- B. Các phần, các đoạn trong văn bản được tiếp nối theo một trình tự rõ ràng, hợp lý, trước sau hô ứng nhau nhằm làm chủ đề liên mạch và gợi được nhiều hứng thú cho người đọc
- C. Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản đều nói về một đề tài, biểu hiện một chủ đề chung xuyên suốt
- D. Cả B và C đều đúng

*** BT vận dụng**

Bài tập 1/32, 33

a. Tính mạch lạc của VB “ Mẹ tôi ” của A – mi – xi

+ Đề tài: Người mẹ.

+ Chủ đề: Lòng yêu thương và tình cảm sâu nặng của cha mẹ đối với con cái.

+ Các từ ngữ, các câu: thức suốt đêm quần quai vì nỗi lo sợ, khóc nức nở, bỏ hết một năm hạnh phúc, đi ăn xin, hi sinh tính mạng,... thể hiện chủ đề trên.

+ Các đoạn được liên kết chặt chẽ: Mở đầu là lý do viết thư. Tiếp theo là sự tức giận của người bố và sự hết lòng vì con của người mẹ, vai trò và tầm quan trọng của mẹ trong cuộc đời. Người bố yêu cầu con phải cầu xin sự tha thứ của mẹ. Cuối cùng là hình phạt của bố đối với con.

+ Các đoạn được nối với nhau theo mối liên hệ thời gian và ý nghĩa.

b. (SGK/33)

- Đề tài thiên nhiên

- Chủ đề: Sắc vàng trù phú, đầm ấm của làng quê “vào mùa đông”, “giữa ngày mùa”.

- Dẫn dắt theo một dòng chảy hợp lý, phù hợp với nhận thức của người đọc.

+ Câu đầu giới thiệu bao quát về sắc vàng trong không gian làng quê.

- + Sau đó, tác giả nêu lên các biểu hiện của sắc vàng.
- + Hai câu cuối là nhận xét, cảm xúc về màu vàng.

*** BT mở rộng**

Bài tập 2/34

Trong truyện “Cuộc chia tay của những con búp bê”, tác giả đã không thuật lại tỉ mỉ nguyên nhân dẫn đến sự chia tay của hai người lớn. Theo em, như vậy có làm cho tác phẩm thiếu mạch lạc không? Vì sao?

DẶN DÒ

- Học sinh ghi bài đầy đủ, nắm kiến thức bài học.
- Chuẩn bị bài mới: “Những câu hát về tình cảm gia đình.”

..... **Chúc các em học tốt!**

Bài 3: Cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống phong kiến thời hậu kì trung đại ở Châu Âu

1. Phong trào văn hóa phục hưng(thế kỉ XIV - XVII).

a. Khái niệm: “Phong trào Văn hoá Phục hưng” là khôi phục những tinh hoa văn hóa cổ đại Hi Lạp và Rô-ma, đồng thời phát triển nó ở tầmcao mới.

b. Nguyên nhân:

- Chế độ phong kiến kìm hãm, vùi dập các giá trị văn hóa.
- Giai cấp tư sản có thế lực về kinh tế nhưng không có đại vị chính trị, xã hội.

c. Nội dung phong trào:

- Lên án giáo hội Ki-tô, đả phá trật tự xã hội phong kiến.
- Đề cao giá trị con người, đề cao khoa học tự nhiên, xây dựng thế giới quan duy vật.

d. Ý nghĩa:

- Phát động quần chúng đấu tranh chống lại xã hội phong kiến.
- Mở đường cho sự phát triển của văn hóa châu Âu và nhân loại.

2. Phong trào Cải cách tôn giáo:

a. Nguyên nhân: Sự thống trị về tư tưởng, giáo lí của chế độ phong kiến là cản trở đối với giai cấp tư sản. Yêu cầu đặt ra phải tiến hành cải cách.

b. Diễn biến:

- Cải cách của M. Lu-thơ (Đức): Lên án những hành vi tham lam và đồi bại của Giáo hoàng, đòi bãi bỏ những thủ tục, nghi lễ phiền toái.
- Cải cách của Can-vanh (Thụy Sĩ): Chịu ảnh hưởng những cải cách của Lu-thơ, hình thành một giáo phái mới gọi là đạo Tin lành.

c. Hệ quả: Đạo Ki tô bị phân thành hai giáo phái: Cựu giáo là Ki-tô giáo và Tân cả giáo.

Bài 4: Trung Quốc thời phong kiến

1. Xã hội phong kiến ở Trung Quốc.

- Xã hội biến đổi:
 - + giai cấp địa chủ xuất hiện.
 - + Giai cấp nông dân bị phân hóa
- ➔ Quan hệ sản xuất phong kiến được hình thành.

2. Xã hội Trung Quốc thời Tần – Hán:

- Nhà Tần thi hành nhiều chính sách hà khắc
- Nhà Hán xóa bỏ mọi chính sách hà khắc của nhà Tần.
- Chú trọng phát triển kinh tế.
- Xâm lược các nước khác.

3. Sự thịnh vượng của Trung Quốc thời Đường.

- Cử người đi cai quản các địa phương
- Mở các khoa thi tuyển chọn người tài.
- Giảm thuế, chia ruộng đất(phép quân điền), khuyến khích sản xuất.
⇒ Đất nước phồn vinh mọi mặt.

Họ tên HS:..... Lớp:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1_Tin học 7
Bài thực hành 1: LÀM QUEN VỚI EXCEL

Em hãy trả lời các bài tập sau đây:

Bài 1: Em hãy nêu các cách khởi động Excel

.....

.....

.....

Bài 2: Em hãy nêu các thao tác cơ bản với chương trình bảng tính

.....

.....

.....

Bài 3: Em hãy nêu các cách để mở 1 bảng tính mới

.....

.....

.....

Bài 4: Em hãy nêu các cách để lưu bảng tính

.....

.....

.....

Bài 5: Em hãy nêu các cách để mở bảng tính đã có

.....

.....

.....

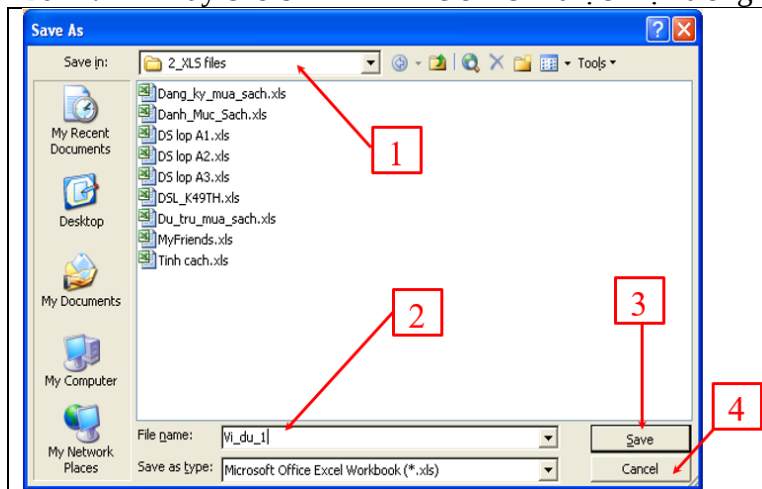
Bài 6: Em hãy nêu các cách để thoát khỏi Excel

.....

.....

.....

Bài 7: Em hãy cho biết các bước em cần thực hiện trong hộp thoại Save As đây là gì?



- (1).....
- (2).....
- (3).....
- (4).....

Họ tên HS:..... Lớp:

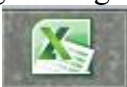
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2_Tin học 7

(Em hãy trả lời các bài tập và nộp lại phiếu số 2 Tin7 cho GV chấm điểm vào tuần sau)

Bài thực hành 1: LÀM QUEN VỚI EXCEL

I. Em hãy khoanh tròn đáp án đúng nhất cho mỗi câu sau:

Câu 1: Để khởi động chương trình Excel, ta nháy đúp chuột vào biểu tượng nào sau đây?

- a. 
- b. 
- c. 
- d. 

Câu 2: Để mở bảng tính mới, ta sử dụng nút lệnh

- a. 
- b. 
- c. 
- d. 

Câu 3: Thanh công thức được sử dụng để:

- a. Nhập dữ liệu vào ô
- b. Hiển thị công thức trong ô
- c. Hiển thị địa chỉ ô có công thức
- d. Để nhập, hiển thị dữ liệu hoặc công thức có trong ô.

Câu 4: Để mở bảng tính đã có, thực hiện lệnh:

- a. Nhấn tổ hợp phím **Ctrl + N**
- b. Insert → Save
- c. File → Open
- d. Cả a, c đều đúng

Câu 5: Để thoát khỏi Excel, ta thực hiện lệnh:

- a. Nhấn tổ hợp phím **Ctrl + Z**
- b. File → Close
- c. File → Exit
- d. Cả b, c đều đúng

II. Em hãy điền các thao tác thích hợp vào bảng dưới đây:

Ý nghĩa	Thao tác thực hiện	Phím tắt
Mở bảng tính mới		

Mở bảng tính đã có		
Lưu bảng tính		
Đóng bảng tính đang mở		
Đóng phần mềm Excel		

Nội Dung Ghi Bài _ **Bài thực hành 1: LÀM QUEN VỚI EXCEL**

(HS dán nội dung ghi bài vào tập để học nhé!)

1. Khởi động chương trình bảng tính Excel:

C1: Start → All Program → Microsoft Office → Microsoft Excel

C2: Trên màn hình Desktop → Nháy đúp chuột vào biểu tượng Microsoft Excel

2. Một số thao tác cơ bản:

❖ Mở bảng tính mới:

C1: Nháy nút lệnh New  trên thanh công cụ.

C2: Bảng chọn File → New

C3: Nhấn tổ hợp phím Ctrl+N

❖ Lưu bảng tính:

C1: Nháy nút lệnh Save  trên thanh công cụ.

C2: Bảng chọn File → Save.

C3: Nhấn tổ hợp phím Ctrl+S.

❖ Mở bảng tính đã có:

C1: Nháy nút lệnh Open  trên thanh công cụ.

C2: Bảng chọn File → Open

C3: Nhấn tổ hợp phím Ctrl+O

❖ Đóng bảng tính:

- Đóng bảng tính đang mở:

C1: Nhấn tổ hợp phím Ctrl+F4

C2: Nháy chuột vào nút Close Window

- Thoát khỏi Excel:

C1: Nhấn tổ hợp phím Alt+F4

C2: Nháy chuột vào nút Close  ở góc trên cùng bên phải cửa sổ làm việc của Microsoft Excel

C3: Bảng chọn File → Exit

Bài thực hành 1

LÀM QUEN VỚI CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH EXCEL

1. Mục đích, yêu cầu

- Khởi động và kết thúc Excel.
- Nhận biết các ô, hàng, cột trên trang tính Excel.
- Biết cách di chuyển trên trang tính và nhập dữ liệu vào trang tính.

2. Nội dung

a) Khởi động Excel

Có thể khởi động Excel theo nhiều cách khác nhau. Cách sau đây thường được sử dụng:

*Nháy chuột trên nút Start, trở vào All Programs và chọn Microsoft Excel
(Start → All Programs → Microsoft Excel).*

Em cũng có thể khởi động Excel với một tệp bảng tính đã có bằng cách nháy đúp chuột vào tên tệp bảng tính. Nếu có sẵn biểu tượng  trên màn hình, em cũng có thể kích hoạt biểu tượng đó để khởi động Excel.

b) Lưu kết quả và thoát khỏi Excel

- Để lưu kết quả làm việc, chọn **File** → **Save** hoặc nháy nút lệnh **Save** . Các tệp bảng tính do Excel tạo ra và ghi lại có phần đuôi ngầm định là *xls*.
- Để thoát khỏi Excel, chọn **File** → **Exit** hoặc nháy nút  trên thanh tiêu đề.

BÀI TẬP 1. Khởi động Excel.

- Liệt kê các điểm giống và khác nhau giữa màn hình Word và màn hình Excel.
- Mở các bảng chọn và quan sát các lệnh trong những bảng chọn đó.
- Kích hoạt một ô tính và thực hiện di chuyển trên trang tính bằng chuột và bằng bàn phím. Quan sát sự thay đổi màu của các nút tên hàng và tên cột.

BÀI TẬP 2. Nhập dữ liệu tùy ý vào một ô trên trang tính. Dùng phím **Enter** để kết thúc việc nhập dữ liệu trong ô đó và quan sát ô được kích hoạt tiếp theo.

Lập lại thao tác nhập dữ liệu vào các ô trên trang tính, nhưng sử dụng một trong các phím mũi tên để kết thúc việc nhập dữ liệu. Quan sát ô được kích hoạt tiếp theo và cho nhận xét.

Chọn một ô tính có dữ liệu và nhấn phím **Delete**. Chọn một ô tính khác có dữ liệu và gõ nội dung mới. Cho nhận xét về các kết quả.

Thoát khỏi Excel mà không lưu lại kết quả nhập dữ liệu em vừa thực hiện.

BÀI TẬP 3. Khởi động lại Excel và nhập dữ liệu ở bảng dưới đây vào trang tính:

	A	B	C	D	E	F
1	Bảng điểm lớp 7A					
2	Stt	Họ và tên				
3		1 Đinh Văn Hoàng An				
4		2 Lê Thị Hoài An				
5		3 Lê Thái Anh				
6		4 Phạm Như Anh				
7		5 Vũ Việt Anh				
8		6 Phạm Thanh Bình				
9		7 Trần Quốc Bình				
10		8 Nguyễn Linh Chi				
11		9 Vũ Xuân Cương				
12		10 Trần Quốc Đạt				
13		11 Nguyễn Anh Duy				
14		12 Nguyễn Trung Dũng				

Hình 6

Lưu bảng tính với tên *Danh sách lớp em* và thoát khỏi Excel.

SOẠN BÀI TRỰC TUYẾN – TOÁN 7 (Tuần 2: Từ 13/9 – 18/9/2021)• **ĐẠI SỐ:****Bài 2: NHÂN, CHIA SỐ HỮU TỈ**• **Sửa bài tập:****Bài 9/10:** Tìm x, biết:

$$\begin{aligned}
 c/ -x - \frac{2}{3} &= -\frac{6}{7} \\
 -x &= \frac{-6}{7} + \frac{2}{3} \\
 -x &= \frac{-18}{21} + \frac{14}{21} \\
 -x &= \frac{-4}{21} \\
 x &= \frac{4}{21}
 \end{aligned}$$

1. Nhân hai số hữu tỉ:

- Ta có thể nhân hai số hữu tỉ bằng cách viết chúng dưới dạng hai phân số, nhân tử với tử, nhân mẫu với mẫu.
- Phép nhân số hữu tỉ có các tính chất của phép nhân phân số, như: giao hoán, kết hợp, nhân với số 1, tính phân phối giữa phép nhân và phép cộng.

- Ví dụ: Tính: $3,5 \cdot \left(-1\frac{2}{5}\right)$

$$\begin{aligned}
 &= \frac{7}{2} \cdot \frac{-7}{5} \\
 &= \frac{7 \cdot (-7)}{2 \cdot 5} \\
 &= \frac{-49}{10}
 \end{aligned}$$

2. Chia hai số hữu tỉ:

- Với hai số hữu tỉ $x = \frac{a}{b}$ và $y = \frac{c}{d}$ ($y \neq 0$), ta có :

$$x : y = \frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \cdot \frac{d}{c} = \frac{a \cdot d}{b \cdot c}$$

- Ví dụ: Tính: $\frac{-5}{23} : (-2)$

$$\begin{aligned}
 &= \frac{-5}{23} \cdot \frac{-1}{2} \\
 &= \frac{(-5) \cdot (-1)}{23 \cdot 2} \\
 &= \frac{5}{46}
 \end{aligned}$$

BÀI TẬP**Bài 13/12 (hs tự giải câu b, d)****13. Tính :**

a) $\frac{-3}{4} \cdot \frac{12}{-5} \cdot \left(-\frac{25}{6}\right)$;

b) $(-2) \cdot \frac{-38}{21} \cdot \frac{-7}{4} \cdot \left(-\frac{3}{8}\right)$

c) $\left(\frac{11}{12} : \frac{33}{16}\right) \cdot \frac{3}{5}$;

d) $\frac{7}{23} \cdot \left[\left(-\frac{8}{6}\right) - \frac{45}{18}\right]$.

Giải: a/ $\frac{-3}{4} \cdot \frac{12}{-5} \cdot \left(-\frac{25}{6}\right)$
 $= \frac{-36}{-20} \cdot \frac{-25}{6}$
 $= \frac{9}{5} \cdot \frac{-25}{6}$
 $= \frac{-225}{30} = \frac{-15}{2}$

c/ $\left(\frac{11}{12} : \frac{33}{16}\right) \cdot \frac{3}{5}$
 $= \left(\frac{11}{12} \cdot \frac{16}{33}\right) \cdot \frac{3}{5}$
 $= \frac{176}{396} \cdot \frac{3}{5}$
 $= \frac{4}{9} \cdot \frac{3}{5}$
 $= \frac{12}{45} = \frac{4}{15}$

Bài 16/13 (hs tự giải câu b)

16. Tính :

a) $\left(\frac{-2}{3} + \frac{3}{7}\right) : \frac{4}{5} + \left(\frac{-1}{3} + \frac{4}{7}\right) : \frac{4}{5}$; b) $\frac{5}{9} : \left(\frac{1}{11} - \frac{5}{22}\right) + \frac{5}{9} : \left(\frac{1}{15} - \frac{2}{3}\right)$

Giải: a/ $\left(\frac{-2}{3} + \frac{3}{7}\right) : \frac{4}{5} + \left(\frac{-1}{3} + \frac{4}{7}\right) : \frac{4}{5}$
 $= \left(\frac{-14}{21} + \frac{9}{21}\right) : \frac{4}{5} + \left(\frac{-7}{21} + \frac{12}{21}\right) : \frac{4}{5}$
 $= \frac{-5}{21} : \frac{4}{5} + \frac{5}{21} : \frac{4}{5}$
 $= \frac{-5}{21} \cdot \frac{5}{4} + \frac{5}{21} \cdot \frac{5}{4}$
 $= \frac{5}{4} \cdot \left(\frac{-5}{21} + \frac{5}{21}\right)$
 $= \frac{5}{4} \cdot 0$
 $= 0$

(Lưu ý: hs có thể giải theo cách khác)

BTVN: Bài 1: Thực hiện phép tính:

a/ $5\frac{1}{4} : \left(-\frac{1}{2}\right) + \frac{1}{2}$

b/ $\left(-\frac{1}{3} + \frac{2}{5}\right) : \frac{2}{9} - \left(\frac{2}{3} - 1\frac{3}{5}\right) : \frac{2}{9}$

Bài 2: Tìm x, biết: a/ $\frac{1}{4} - 9x = \frac{1}{8}$

b/ $\frac{3}{5} - \left|x + \frac{5}{4}\right| = 0$

- **Lưu ý:** Hs làm bài vào giấy, ghi rõ họ tên, lớp, chụp hình bài làm gửi Zalo cho GV.

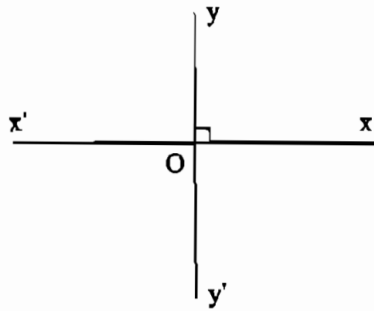
HÌNH HỌC:

Bài 2: HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC – CÁC GÓC TẠO BỞI MỘT ĐƯỜNG THẲNG CẮT HAI ĐƯỜNG THẲNG

1. Thế nào là hai đường thẳng vuông góc?

Hai đường thẳng xx' , yy' cắt nhau và trong các góc tạo thành có một góc vuông được gọi là **hai đường thẳng vuông góc** và được kí hiệu là $xx' \perp yy'$.

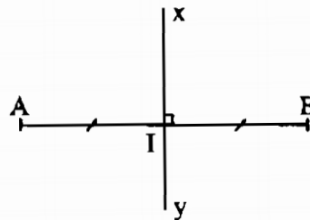
- Minh họa :



Hình vẽ trên cho biết hai đường thẳng xx' và yy' cắt nhau tại điểm O, được kí hiệu là: $xx' \perp yy'$

2. Đường trung trực của đoạn thẳng:

*Đường thẳng vuông góc với một đoạn thẳng tại trung điểm của nó được gọi là **đường trung trực** của đoạn thẳng ấy.*



• Minh họa:

Ta có: $\begin{cases} + \text{điểm I là trung điểm của đoạn thẳng AB (IA = IB = } \frac{AB}{2} \text{)} \\ + xy \perp AB \text{ tại điểm I} \end{cases}$

Nên **đường thẳng xy là đường trung trực của đoạn thẳng AB**

3. Các góc tạo bởi 1 đường thẳng cắt hai đường thẳng:

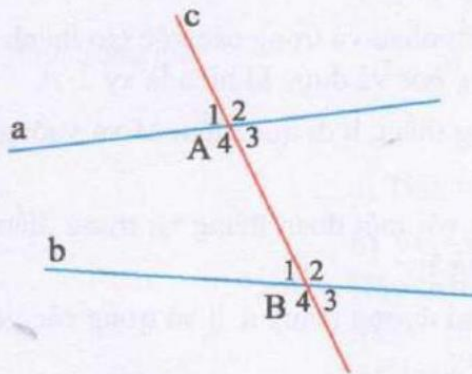
- Ở hình 9, ta thấy đường thẳng c cắt đường thẳng a tại điểm A và cắt đường thẳng b tại điểm B.

Quan sát hình 9, mỗi cặp góc gồm một góc ở đỉnh A và một góc ở đỉnh B :

a) Hai góc A_3 và B_1 (tương tự : A_4 và B_2) gọi là hai **góc so le trong**.

b) Hai góc A_1 và B_1 (tương tự : A_2 và B_2 ; A_3 và B_3 ; A_4 và B_4) gọi là hai **góc đồng vị**.

c) Hai góc A_4 và B_1 (tương tự : A_3 và B_2) gọi là hai **góc trong cùng phía**.



Hình 9

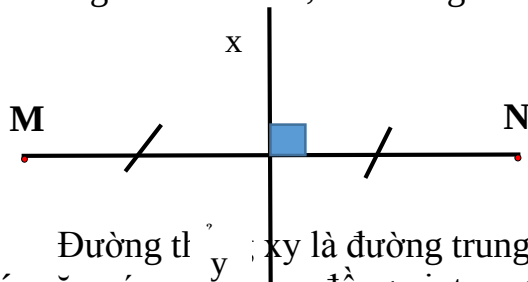
• Tính chất:

Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau thì :

- a) Hai góc so le trong còn lại bằng nhau.*
- b) Hai góc đồng vị bằng nhau.*
- c) Hai góc trong cùng phía bù nhau.*

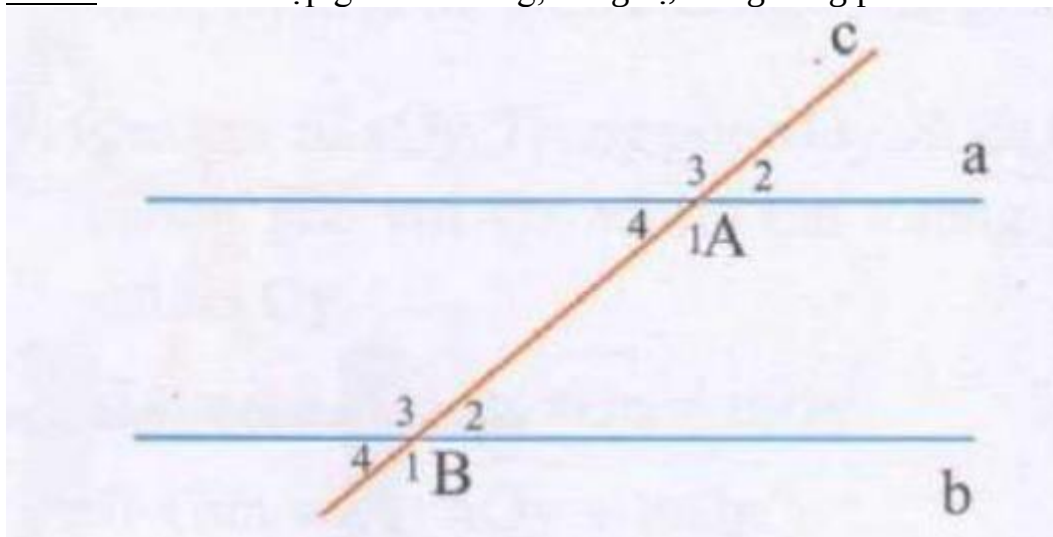
BÀI TẬP:

Bài 1: Cho đoạn thẳng MN dài 6cm, vẽ đường trung trực của đoạn thẳng MN



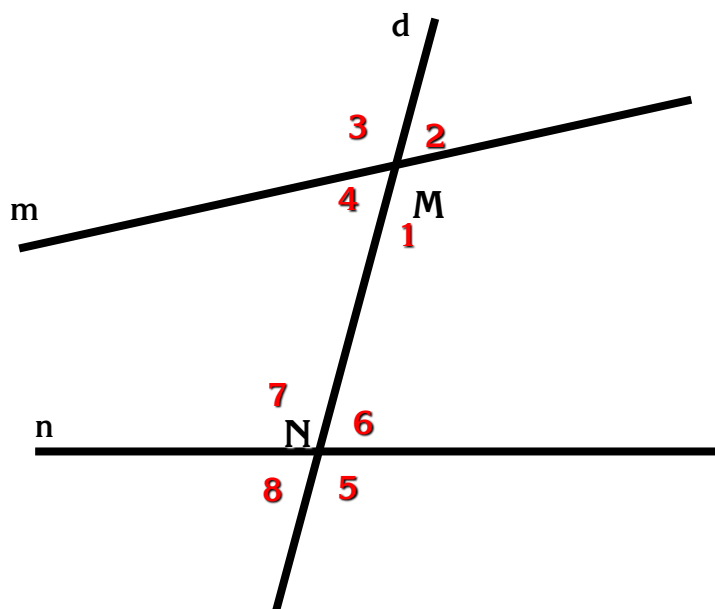
Đường thẳng xy là đường trung trực của đoạn thẳng MN

Bài 2: Kể tên các cặp góc so le trong, đồng vị, trong cùng phía ở hình dưới đây:



(Hs tự nêu ra)

- **BTVN:** 1/ Cho đoạn thẳng EF dài 7cm. Vẽ đường trung trực của đoạn thẳng EF.
2/ Cho hình vẽ sau, nêu tên 2 cặp góc đối đỉnh, 2 cặp góc kề bù, 2 cặp góc so le trong, 4 cặp góc đồng vị, 2 cặp góc trong cùng phía



- **Lưu ý:** Hs làm bài vào giấy, ghi rõ họ tên, lớp, chụp hình bài làm gửi Zalo cho GV .

Unit 1
BACK TO SCHOOL

A. Friends

I. Vocabulary

1. **parent** (n.) → parents
2. **still** (adv.): vẫn
3. **different** (adj.): khác → difference (n.): sự khác biệt
4. **unhappy** (adj.) ≠ happy (adj.)
→ happiness (n.)
5. **miss** (v.): nhớ, bỏ lỡ

II. Grammar: too, so: used to agree with a positive idea.

- **Too: at the end of a sentence.**

S + be / aux. V. / modal V. / V., too.

E.g.: Nice to meet you. - Nice to meet you, too.

I am in grade 7. - I am, too.

- **So: at the beginning of a sentence (with inversion).**

So + be / aux. V. / modal V. + S.

E.g.: I like chicken. - So do I.

I am in class 7A. - So am I.

III. Practice: too, so

1. We should do homework, and _____ should they.
2. Lan likes apples, and her mother does, _____.
3. My father is watching TV, and _____ is my mother.
4. He goes jogging every day and his son does, _____.
5. Oranges are good for our health. _____ are apples.

Unit 1
BACK TO SCHOOL

B. Names and addresses

IV. Grammar:

How far is it from ... to ...? = What is the distance between ... and ...?

→ It's ... (kilometers/meters).

E.g.: How far is it from here to your school? (What is the different between here and your school?)

→ It is 2 kilometers.

How do you go/travel to ...? → I go/travel to ... by

E.g.: How do you travel to your friend's house?

→ I travel to my friend's house by bus.

PHIẾU HỌC TẬP
LỚP 7 – MÔN VẬT LÝ

*** Phần 1: Nội dung ghi vở của học sinh**

Bài 2: SỰ TRUYỀN ÁNH SÁNG

I. Đường truyền của ánh sáng

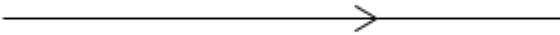
Định luật truyền thẳng của ánh sáng: Trong môi trường **trong suốt** và **đồng tính**, ánh sáng truyền đi theo đường thẳng

(các môi trường trong suốt như: thủy tinh, nước, không khí ...)

II. Tia sáng, chùm sáng

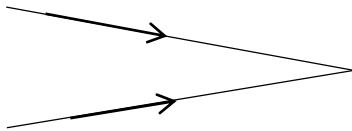
a) Tia sáng

- Đường truyền của ánh sáng được biểu diễn bằng một đường thẳng có mũi tên chỉ hướng gọi là tia sáng.

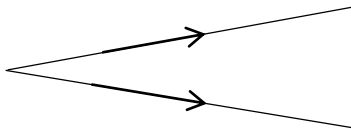
Biểu diễn tia sáng: 

b) Chùm sáng

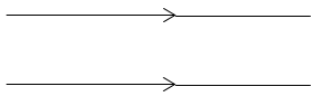
- Chùm sáng gồm nhiều tia sáng hợp thành.
- Có ba loại chùm sáng:
 - + Chùm sáng hội tụ gồm các tia sáng giao nhau trên đường truyền của chúng.



- + Chùm sáng phân kì gồm các tia sáng loe rộng ra trên đường truyền của chúng.



- + Chùm sáng song song gồm các tia sáng không giao nhau trên đường truyền của chúng.



*** Phần 2: Hướng dẫn trả lời câu hỏi SGK**

C1: Ánh sáng từ dây tóc bóng đèn truyền trực tiếp đến mắt theo ống thẳng

C2: 3 lỗ A,B,C cùng nằm trên một đường thẳng (Dùng 1 thanh thẳng kiểm tra)

C3: + Chùm sáng hội tụ gồm các tia sáng giao nhau trên đường truyền của chúng.

+ Chùm sáng phân kì gồm các tia sáng loe rộng ra trên đường truyền của chúng.

+ Chùm sáng song song gồm các tia sáng không giao nhau trên đường truyền của chúng.

C4: Ánh sáng từ đèn pin phát ra đã truyền đến mắt ta theo đường thẳng

- Đặt mắt sao cho chỉ thấy kim gần mắt nhất mà không nhìn thấy 2 kim còn lại.

- Giải thích: Kim 1 là vật chắn sáng của kim 2, kim 2 là vật chắn sáng của kim 3.

Do **ánh sáng truyền theo đường thẳng** nên ánh sáng từ kim 2, 3 đến mắt bị cây kim thứ 1 che khuất.

* Phần 3: Bài tập vận dụng

1. Điền từ vào chỗ trống:

- Trong môi trường và, ánh sáng truyền đi theo đường thẳng
 - Các môi trường trong suốt như:
 - được biểu diễn bằng một đường thẳng có mũi tên chỉ hướng gọi là
 - Một chùm sáng hẹp gồm nhiều tia sáng song song có thể coi là một.....
 - Chùm sáng gồm nhiều hợp thành.
- * Có ba loại chùm sáng:
- Chùm sáng hội tụ gồm các tia sáng trên đường truyền của chúng.
 - Chùm sáng phân kì gồm các tia sángtrên đường truyền của chúng.
 - Chùm sáng song song gồm các tia sáng trên đường truyền của chúng.

2. Phát biểu định luật truyền thẳng của ánh sáng ?

.....

.....

.....

3. Tia sáng là gì ?

.....

.....

.....

TRƯỜNG THCS HÀ HUY TẬP

SINH HỌC 7

A. Bài học

Kiểm tra bài cũ

Câu 1: Động vật và thực vật giống nhau ở điểm nào?

- A. Cấu tạo từ tế bào
- B. Lớn lên và sinh sản
- C. Có khả năng di chuyển
- D. Cả A và B đúng

Câu 2: Động vật đa số không có?

- A. Hệ thần kinh
- B. Giác quan
- C. Khả năng di chuyển
- D. Tự sản xuất được chất hữu cơ

I. Trùng roi xanh

Câu 1: Trùng roi thường tìm thấy ở đâu?

- A. Trong không khí
- B. Trong đất khô
- C. Trong cơ thể người
- D. Trong nước

Câu 2: Bào quan nào của trùng roi xanh có vai trò bài tiết và điều chỉnh áp suất thẩm thấu?

- A. Màng cơ thể
- B. Không bào co bóp
- C. Nhân
- D. Hạt diệp lục

Câu 3: Hình thức sinh sản của trùng roi xanh?

- A. Vô tính
- B. Hữu tính
- C. Cả 2 hình thức trên
- D. Không sinh sản

Câu 4: Khi trùng roi xanh sinh sản thì bộ phận phân đôi trước là?

- A. Nhân tế bào
- B. Không bào co bóp

- C. Chất nguyên sinh
- D. Roi

II. Tập đoàn trùng roi

Câu 5: Tập đoàn trùng roi là hình ảnh của mối quan hệ về nguồn gốc giữa?

- A. Các Động vật đơn bào với nhau
- B. Các động vật đa bào với nhau
- C. Động vật đơn bào và động vật đa bào
- D. Không có câu trả lời đúng

III. Trùng biến hình và Trùng giày

Câu 6: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sai?

- A. Trùng giày di chuyển nhờ lông bơi
- B. Trùng biến hình luôn biến đổi hình dạng
- C. Trùng biến hình có lông bơi hỗ trợ di chuyển
- D. Trùng giày có hình dạng như đế giày

Câu 7: Trong các đặc điểm dưới đây, đặc điểm nào có cả ở trùng giày, trùng roi và trùng biến hình?

- A. Cơ thể luôn biến đổi hình dạng
- B. Cơ thể có cấu tạo đơn bào
- C. Có khả năng tự dưỡng
- D. Di chuyển nhờ lông bơi

Câu 8: Dưới đây là 4 giai đoạn trùng biến hình bắt mồi và tiêu hoá mồi:

- (1) : Hai chân giả kéo dài nuốt mồi vào sâu trong chất nguyên sinh.
- (2) : Lập tức hình thành chân giả thứ hai vây lấy mồi.
- (3) : Không bào tiêu hoá tạo thành bao lấy mồi, tiêu hoá mồi nhờ dịch tiêu hoá.
- (4) : Khi một chân giả tiếp cận mồi (tảo, vi khuẩn, vụn hữu cơ...).

Em hãy sắp xếp các giai đoạn trên theo trình tự hợp lý ?

- A. (4) - (2) - (1) - (3)
- B. (4) - (1) - (2) - (3)
- C. (3) - (2) - (1) - (4)
- D. (4) - (3) - (1) - (2)

Câu 9: Hình thức dinh dưỡng của trùng biến hình là?

- A. Tự dưỡng
- B. Dị dưỡng
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 10: Quá trình tiêu hoá thức ăn của trùng biến hình là?

- A. Tiêu hoá nội bào
- B. Tiêu hoá ngoại bào
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 11: Trùng giày lấy thức ăn dồn về lỗ miệng nhờ?

- A. Chân giả
- B. Lông bơi
- C. Lỗ thoát
- D. Không bào co bóp

Câu 12: Hình thức sinh sản của trùng giày là?

- A. Phân đôi
- B. Tiếp hợp
- C. Đẻ con
- D. Cả A và B đều đúng

Câu 13: Trong các động vật nguyên sinh sau, động vật nào sinh sản vô tính bằng cách phân đôi theo chiều ngang?

- A. Trùng roi xanh
- B. Trùng biến hình
- C. Trùng giày
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 14: Quá trình tiêu hoá thức ăn của trùng giày diễn ra theo?

- A. Thức ăn → không bào tiêu hóa → ra ngoài mọi nơi
- B. Thức ăn → miệng → hầu → thực quản → dạ dày → hậu môn
- C. Thức ăn → màng sinh chất → chất tế bào → thẩm thấu ra ngoài
- D. Thức ăn → miệng → hầu → không bào tiêu hóa → không bào co bóp → lỗ thoát

Câu 15: Trong các động vật nguyên sinh sau, động vật nào có hình thức sinh sản hữu tính?

- A. Trùng giày
- B. Trùng biến hình
- C. Trùng roi xanh
- D. Không có câu trả lời đúng

B. Bài ghi vào vở

CHỦ ĐỀ: ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH (2)

I. Trùng roi xanh

- Trùng roi xanh là động vật đơn bào, di chuyển nhờ roi.
- Dinh dưỡng: Tự dưỡng và dị dưỡng.
- Hô hấp qua màng cơ thể.
- Bài tiết và điều chỉnh áp suất thẩm thấu nhờ không bào co bóp.
- Sinh sản vô tính bằng cách phân đôi cơ thể theo chiều dọc.

II. Tập đoàn trùng roi

Tập đoàn trùng roi dù có nhiều tế bào nhưng vẫn chỉ là một nhóm động vật đơn bào vì mỗi tế bào vẫn vận động và dinh dưỡng độc lập. Chúng gợi ra mối quan hệ về nguồn gốc giữa động vật đơn bào và động vật đa bào.

III. Trùng biến hình và Trùng giày

	Trùng biến hình	Trùng giày
Cấu tạo	Gồm 1 tế bào có cấu tạo rất đơn giản	Gồm 1 tế bào đã phân hoá thành nhiều bộ phận: Nhân lớn, nhân nhỏ, không bào co bóp, miệng, hậu.
Di chuyển và bắt mồi	Nhờ chân giả	Nhờ lông bơi
Dinh dưỡng	- Tiêu hoá nội bào - Bài tiết: chất thừa được tập trung đến không bào co bóp và thải ra ngoài ở mọi vị trí.	- Thức ăn qua miệng tới hầu tới không bào tiêu hoá và biến đổi nhờ enzyme. - Chất thải được đưa đến không bào co bóp và qua lỗ để thoát ra ngoài.
Sinh sản	- Vô tính bằng cách phân đôi cơ thể	- Vô tính bằng cách phân đôi cơ thể theo chiều ngang. - Hữu tính bằng cách tiếp hợp

C. Dặn dò:

- Học bài
- Xem trước bài mới